

Đầu nguồn non nước

Về với nước non Cao Bằng, là đến với Pác Bó, đến với đầu nguồn, thả tâm tưởng mình vào dòng suối Lê Nin, núi Mác. Tôi đọc câu thơ “Hang lạnh nhớ tay Người đốt củi” nơi Bác Hồ khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Nhà văn Cao Duy Sơn, người con của núi bảo tôi: “Anh lên Cao Bằng, phải uống được bát nước đầu nguồn (hang Cốc Bó) ở đây, nước từ lòng suối chảy ra chẳng bao giờ cạn. Ngọn núi thiêng chứa dòng nước mát. Nghe đâu các chính khách lên đây, ai cũng muốn uống bát nước đầu nguồn để nhớ về cách mạng.

Tôi vừa đặt chân tới chốn đất thiêng, vội ngược nhìn về uy nghiêm núi Mác, đưa tay vớt ngọn nước suối Lê - Nin để tận hưởng không khí sớm xuân nay trên Pác Bó, nhìn đàn cá nhảy qua ngầm đá, mà liên tưởng tới câu Bác hỏi đồng chí Lê Quảng Ba:

- Trước đây chú thường thấy giống cá gì sống ở suối này?

- Cháu biết được cá liền, cá rô, cá chép, thảng tư có con dầm xanh lên đê. Và từ đây Người nảy ra ý định “Thỉnh thoảng ta ra đây ngồi câu cá thì tuyệt biết mấy”.

Ồi con dầm xanh, không biết hôm nay đã là giữa tháng tư rồi, có lên đây hóng nước, quẩy đê trong cái hốc đá, mà nhớ bóng ông già Nùng ngồi buống câu bên suối. Và cũng buổi sớm xuân 1941 năm ấy, Bác cùng đồng chí Lê Quảng Ba, Phùng Chí Kiên, sau khi xem xét địa thế quanh hang, với sự vui vẻ như không có nổi mệt mỏi của cuộc leo núi từ Trung Quốc qua cột mốc 108 về đây. Bác nói: “Mình vừa nảy ra ý này, dòng suối đẹp trong xanh như ngọc, lại bắt nguồn từ đây, nên đặt là suối Lê Nin. Còn ngọn núi hùng dũng kia (tay Bác chỉ) gọi là núi Mác, các đồng chí thấy có được không?” thì ra chủ nghĩa Mác Lê Nin đâu chỉ ở trong luận thuyết của Người. Người còn muốn tạc vào sông núi, gửi vào non xanh nước Việt.

Tôi rap mình vượt dốc nghe hồn đá gọi, bãi đá lô xô, bề bộn gây cho tôi cảm giác như thấy những hòn đá kia ngày nào nâng chận Bác thì hôm nay đá đứng trầm tư khốc Bác. Tôi dừng chân ngang dốc, lắng nghe tiếng của nước non Cao Bằng. Nhà văn Cao Duy Sơn áp tai vào đá nói: “Đâu phải tiếng người như anh tưởng, tiếng của đá ngàn năm vạn cổ, tiếng của lửa, nước Cao Bằng đang gọi Bác đấy”.

Tôi đắm mê với những bãi đá hoang sơ vô định, có hòn Ngọc chọc trời xanh dáng vẻ thâm nghiêm khát vọng, ngậy nhìn Cao Bằng trong cuộc đời mới.

Từ nền nhà ông Lý Quốc Súng nơi Bác ở và làm việc từ ngày 28/1 đến ngày 7/2/1941 phải leo qua 85 bậc đá mới tới cửa hang. Những bậc đá ong, đá xanh, đá tím, mỗi bậc một nỗi niềm, gọi lại thời non xanh dựng nước. Tôi lần sâu xuống 20 bậc nữa tìm chỗ Bác nằm, để bàn tay mình được cảm nhận sự linh thiêng trong 4 tấm gỗ do ông Máy Lì mang đến kê trên những hòn đá khắp khênh, tạo thành nơi Bác ngã lưng sau phút lo toan việc nước. Những thớ gỗ xoắn vặn cùng Bác hứng chịu tuyết sương đêm dài trong hang lạnh, với cái rét đông hàn, một lòng thi gan cùng đá.

Từ cửa hàng trông lên trời, làn sáng nhẹ, mỏng vàng như áo tằm, chiếu lọt xuống lòng hang, để ta nhìn thấy với vơi khoáng trời xanh, cái khoáng trời Bác đã nuôi dưỡng nỗi khát vọng không cùng là giải phóng dân tộc. Cảm ơn tạo hóa đã biết bao công sức để lại công trình này cho Bác ở.

Ông già Sáu Sán (Thu Sơn) lúc ấy vừa tròn 51 tuổi, ông đã đi qua nhiều lối mòn đá mở. Bàn chân ông tới đâu núi rừng âm u thức dậy, hàng ngày ông tập leo núi, tắm nước suối, để nuôi dưỡng cái thân thể của mình, nuôi dưỡng cái ý chí của mình. Nhiều cuộc leo núi bàn chân ông tõe máu. Có đồng chí thấy vậy thương Bác nói: “Leo núi Bác nên đi giày cho khỏi đau chân”. Bác bảo: “Tôi leo núi chân không cho quen”. Sự khổ luyện này đâu chỉ có Khuôi Nậm. Khi ở nhà tù Trường Giới Thạch ra, hàng ngày Bác cũng tập leo núi, tập chạy, đến khi vã mồ hôi thì lao xuống nước lạnh dòng Liêu Giang để tắm. Trong đám sĩ quan của Hậu thiểu tướng chủ nhiệm chính trị chiến khu 4 (Tướng Giới Thạch). Họ bảo: “Ông ấy hẳn có bộ tinh thần bằng thép”. Vâng! Người có bộ tinh thần bằng thép đã nói: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm cho nước hoàn toàn độc lập, dân tộc hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Có phải sự khổ luyện hết đời của Người là để thực hiện ước mơ đó.

ở Pác Bó, ông Sáu Sán và ông Máy Lì, trong những đêm đông

thường ngồi đàm đạo thơ văn. Trong cuộc leo núi lần này, tôi gắng tìm tới nhà cụ Máy Li để treo lên bảy bậc thang gỗ, lọc trong âm thanh xóm núi mà nghe hơi thở của Bác gửi trong vách núi cây rừng. Bỗng cơn gió thổi từ phía núi Mác tràn về, tôi ngược nhìn cây báng trước nhà cụ máy Li, sức cây vập vạp, lớn lao, hiên ngang như những chàng trai Pác Bó đứng trong cõi đời. Tôi tự hỏi: “Tiếng gió động trên cành báng, hay hồn dân tộc. Người đã về kia!”.

Gian nhà lát ván, vách núi, và cây báng đã được vinh hạnh nghe Bác nói về Chủ nghĩa Mác. Ông Máy Li và các con ông hẳn còn nhớ ngày ông Sáu Sấn từ nhà tù Tưởng Giới Thạch về nước, đã tự tay mình tắm, rửa và vò đầu chữa bệnh “chốc” cho Dương Chí Thần. Hình ảnh ấy đã làm cho cả xóm Pác Bó rùng rùng đi theo cách mạng, hướng mọi cái nhìn ra núi Mác.

Tôi nhả nha theo nhà văn đi về làng Nà Giắt, may mắn thay được soi bóng mình trong dòng suối Lê Nin. Suối Lê Nin bắt gặp dòng Nậm Thoong thả con nước từ từ vào cánh đồng Hòa An. Dòng Thoong này cũng phải tràn qua nhiều bãi đá rậm rịt, có lúc tung bọt trắng giống con ngựa bất kham hí một tiếng dài như núi chạy làm động cả non nước Cao Bằng.

Suối Lê Nin có công nuôi cây lúa Hòa An làm nên vựa thóc lớn. Vựa lúa ấy góp phần cùng cả nước nuôi dưỡng ngọn lửa cách mạng.

Nước suối Lê Nin, hòa vào dòng Thoong, nhanh chóng gọi nước sông Bằng. Gần tới sông Bằng, Nậm Thoong chia thành 8 con nước đổ về muồn ngả, có dòng tạo thành “tát” “thác” cao 5 - 7 mét, có dòng đi qua chiến trường đá như đã mai phục sẵn, rồi cất tiếng cười à à... tự tin ngạo nghễ.

Có đi thế mới hiểu nước suối Lê Nin và non nước Cao Bằng.

Tôi nhả nha đọc câu ca xưa: “Nàng về nuôi cái cùng con / Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng”. Nhà văn Cao Duy Sơn trầm tư bóng núi tranh luận với tôi.

Đẹp như Huế chỉ gọi là “xứ Huế”, nơi sinh ra nhiều anh hùng gọi là “hào kiệt tỉnh Thanh”. Đến như trong kia cũng chỉ để lại câu “Lục tỉnh Nam Kỳ”. Tại sao ông bà mình lại giành chữ “nước non” cho Cao Bằng? Lập luận của nhà văn làm tôi bưng tỉnh điều gì, nhưng chưa đủ thuyết phục nổi tôi. Dấu sao chuyển đi này cũng cho tôi một cảm nhận được điều linh thiêng của đất Việt là hang Pác Bó (đầu nguồn). Bác chọn nước non Cao Bằng và lòng dân Pác Bó làm chỗ dừng chân, tạo ra thế đứng, đưa tay với lấy trời xanh, chân đạp non cao, thả hồn vào suối, tạo đã đưa dân tộc mình có sức Phù Đổng, thế tựa chẻ tre, giành lấy giang sơn muôn thuở.

Tôi cúi xuống, vục nước hang Cốc Bó, hớp ngụm nước từ lòng suối đá chảy ra, âm vang như tiếng chuông khua, rồi tự hỏi: Lòng Bác hay lòng Tổ quốc đã giành cho nước non Cao Bằng một vinh dự lớn lao vậy?

Để kiểm chứng điều này, tôi đã từng nghe kể: Con đường về nước của Bác có lần theo hướng Móng Cái (Quảng Ninh), có lần theo hướng Lào Cai. Nhưng mọi hướng đi không được vinh dự đón bàn chân Bác. Người vẫn qua làng Pò Ván tới cột mốc 108 về với nước non Cao Bằng.

Ồi nước non Cao Bằng có thể đại diện cho Tổ quốc như nhà văn Cao Duy Sơn đã nghĩ được chăng? Chúng tôi cùng nhau nâng chén rượu núi cát bằng ngô Pác Bó ở nhà mẹ Hoàng Thị Hoa. Mẹ bảo: “Hoa” là tên Bác Hồ đặt cho mẹ, để ghi nhớ ngày Bác từ Trung Hoa về nước (8/2/1941) tức là ngày 13 tháng giêng năm Tân Tỵ. Khi ấy mẹ tròn 19 tuổi, còn cô Nga, ý Bác theo chủ nghĩa Mác Lê (từ Nga) có Đào vợ chú Lê Quảng Ba, phải hồng tươi như hoa đào nở. Bác muốn tỏ hậu cần của Trung ương lúc nào cũng hương tươi như hoa đào vậy. Đang kể, bỗng mắt mẹ ngăm lẹ. Mẹ bảo ngày 4/5/1945 mẹ tiễn Bác đi Tân Trào, chị em Pác Bó mua cho Bác một đôi dày vải, một mũ nỉ, một chiếc khăn mặt, bộ quần áo Nùng để Bác mặc. Số chị em góp tiền mua quần áo hôm ấy, nay mất cả, chỉ còn mẹ và mẹ Hoàng Thị Lộc, mẹ Lộc giờ ở Nà Giang xã Phủ Ngoc, trước khi xa mẹ, Bác tặng mẹ một cái chăn, một chiếc nồi đồng, hồi chiến tranh biên giới 1979 mất hết cả, đây là lỗi lớn của mẹ.

Hai mươi năm sau (20/2/1961) Bác trở lại Cao Bằng, Bác hỏi mẹ “Pác Bó nhằng moóc giác lai mi” (Pác Bó còn đói không). Thế đấy! Lúc nào người cũng lo cho cây lúa, củ khoai, bắp ngô và nương rẫy Pác Bó. Hôm ấy ông Sáu Sấn đi đôi dày vải, khoác cái áo bông cũ, xé nách, cổ đứng đường chân thưa (kiểu áo người Nùng) ông cụ đi bộ từ Đôn Chương về xóm Núi. Bác không muốn cao hơn mọi người, vẫn là

ông già Nùng về xóm Nùng. Bác về vào dịp tết, hoa cà nở rất thơm, mẹ và chị em Pác Bó mang rất nhiều hoa vây quanh Bác. Bác vẫy mọi người lại ngồi bên hòn đá lớn (Bàn đá chông chệnh dịch sử Đảng) nằm giữa mỏ nước, Bác bảo: “Hai mươi năm trước ở đây Bác có làm hai bài thơ, hôm nay Bác làm bài thơ nữa, đọc các chú các cô nghe”.

“Hai mươi năm trước ở nơi này / Đảng vạch con đường đánh Nhật - Tây / lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu / Non sông gấm vóc có ngày nay”. Bác ngồi đó rất lâu, trầm ngâm đưa mắt nhìn cảnh vật. Bác đang nghĩ gì, chỉ thấy Người hướng về núi Mác. Khi nói chuyện người nhắc một ý rất hay: “ít nhất Cao Bằng, phải cao bằng nơi cao nhất, hay nhất, hoặc Cao Bằng cao không nơi nào cao bằng”. Người dạy nhân dân đầu nguồn phải phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội như vậy, mẹ chẳng thấy Bác nói về mình, kể về mình như những ai, bởi Bác là của núi sông, của dân tộc rồi.

Nghe mẹ Hoa kể trong ký ức tôi bỗng nhớ lại lời của OATOLÍPMAN nhà bình luận Mỹ đã viết sau ngày Bác về với thế giới người hiền “Với cái chết của ông Hồ Chí Minh kết thúc kỷ nguyên của các bậc vĩ nhân. Hỡi ai là lãnh tụ, hay tự cho mình là lãnh tụ, hãy đến Hà Nội dự đám tang ông Hồ Chí Minh. ở đó, họ sẽ biết thế nào là lãnh tụ với nhân dân”.

Trong chuyến đi này tôi không kịp đến một con thong lớn có tên là Quy Sơn, với thác Bản Giốc nổi tiếng nằm ở phía đông tỉnh, thuộc huyện Trùng Khánh, để thấy núi non cao nhất, thấy cái vĩ đại nhất của Cao Bằng trong những năm đổi mới. Nhưng những gì tôi được tiếp cận mấy hôm nay trong các dữ kiện, con số, ghi rậm rịt đầy những trang giấy trắng mênh mông, đều nói lên sự phấn đấu của nhân dân Cao Bằng.

Đêm qua, tôi ngồi lặng phắc nghe con sông Bằng hân hoan tự chảy tĩnh tâm nghĩ lại. Năm Bác trở lại Cao Bằng nạm nhà thơ Tố Hữu viết: “Chào sáu một đỉnh cao muôn trượng”. Năm ấy Người cũng tranh thủ trở về thăm quê nội, quê ngoại Kim Liên và dừng chân tám sáng với trẻ em xóm biển Sầm Sơn. Và sau đó Người có ý định vào thăm đồng bào chiến sỹ miền Nam. Hàng ngày ông Sáu Sán lại tập đi bộ trong vườn. Bác bảo anh Phạm Đình người cận vệ độ đoạn đường hàng ngày cụ đi và trồng rừng dâm bụt chạy ngang lối xuống nhà ăn, để hàng ngày Bác cháu đi ăn cơm đều phải tập nhảy. Rừng dâm bụt ngày càng cao thì Bác cháu cũng nhảy cao hơn.

Đến một hôm sau bữa ăn Bác cháu quay quần bên nhau. Người dạy: “Muốn vào được miền Nam phải trèo đèo lội suối”. Hiểu ý Người anh Phạm Lê Minh đội trưởng, anh Liêm đội phó tổ chức làm con đường bí mật cây chen, cỏ mọc gập ghềnh, cao thấp, chạy theo tường vườn Bách Thảo kín đáo ít người biết (kể cả anh em bảo vệ).

Bác kiên trì tập luyện, đi lại ngày mấy lần có hôm đang tập, gập còi báo động, máy bay đã vào Hà Nội, anh Kháng thấy vậy lo quỳnh lên. Anh Phạm Đình muốn ghé vai cổng Bác xuống hầm. Biết vậy Người chỉ tay vào anh Kháng nói: “Chú xem kia, chú Kháng mất hết bình tĩnh rồi, khi đã mất bình tĩnh, hỏi còn làm được gì?”.

Sau này Bác biết sức khỏe của mình không vào trong đó bằng đường bộ được. Ngày 10/3/1968 Bác viết thư cho đồng chí Lê Duẩn, Bác xin đi bằng đường biển trên một chiếc tàu thủy, sẽ cập bến vào Miền, để thăm anh Sáu anh Bảy một thể. Bác với vai làm công trên một chiếc tàu, cùng đi với hai chú Bào và Kỳ. Người hạ bút “việc này Bác thu xếp dễ thôi”. Tôi đã nhiều lần đọc trọn vẹn lá thư đó. Thì ra miền Nam lúc nào cũng trong trái tim Người quả không sai. Tiếc thay 10/5/1969 Bác đã viết trước những dòng di chúc cho con cháu mai sau... và chuyến thăm miền Nam không thực hiện được trước lúc Người đi xa...

Trong công việc, Người không bao giờ chịu dừng bước trước các đỉnh cao có thể đi tới. Cũng như lúc tập leo núi ở Khuổi Nậm. Người bảo “Con đường cách mạng nhiều chông gai lắm”.

Đúng với 30 năm bên ba ở nước ngoài Người vượt qua chông gai, bao đỉnh cao thử thách, Người vẫn giữ được khí phách hùng tráng của dân tộc “muốn thưở giang sơn này”: Người trở về cũng vì giang sơn này do các Vua Hùng để lại. Người đã nói: “Các vua Hùng có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”. Đó là tư tưởng của Người, tư tưởng ấy đã thấm vào dân tộc. Dân tộc ta vinh dự kết tinh ra Người, nhờ có Người mà dân tộc ta trở thành dân tộc anh hùng, đất nước anh hùng, cũng như Cao Bằng có công đón nhận Người về thì chính Người cũng mang lại cho Cao Bằng một vinh dự lớn không nơi nào có được.

Hôm nay con lên đầu nguồn, về với nước non Cao Bằng như được gặp lại ông già Sáu Sán, được cảm nhận cái phẩm chất thanh cao của Người để lại: “Nâng niu tất cả chỉ quên mình” Bác chẳng có gì, ngoài muôn vàn tình thương yêu để lại. Thật đúng: “Một đứa con riêng, mảnh vườn riêng Người chẳng có / chỉ có vầng trăng chia đều cho cháu nhỏ / Hát cùng nhân dân bài hát kết đoàn” Vâng! Con cháu của người đang nối vòng tay lớn hát bài kết đoàn để bảo vệ Tổ quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội, xứng với công Người và giang sơn Người để lại.

(Tạp chí Nhà văn)